

Số: 197.../QĐ-UBND

Tân Yên, ngày ..22... tháng 11... năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất
để thực hiện dự án xây dựng Bãi rác xã Liên Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 869/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang về Ban hành Quy định một số điểm cụ thể về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND xã Liên Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Bãi rác xã Liên Sơn, hạng mục: Lò đốt rác, khu chôn lấp, đường Bê tông xi măng vào bãi rác, tường rào; Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND huyện Tân Yên về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường GPMB khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án dân cư tại một số xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tân Yên;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Tờ trình số 1836/TTr-TNMT, ngày 31/10/2018, của Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện tại Tờ trình số 226/TTr-TTPTQĐ&CCN, ngày 23/8/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Bãi rác tại xã Liên Sơn cụ thể như sau:

I. Thu hồi 3.296,5 m² gồm:

- Đất nông nghiệp khoán thầu do UBND xã quản lý là 3.281 m²
- Đất nông nghiệp giao theo định xuất cho hộ là 15,5 m²

II. Vị trí thu hồi đất: Thôn Chài, xã Liên Sơn.

III. Phương án Bồi thường, hỗ trợ

Tổng phương án bồi thường, hỗ trợ: **279.463.000đ** (Hai trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng chẵn), bao gồm:

1. Các khoản bồi thường: 104.557.000 đồng

- Bồi thường về đất nông nghiệp trồng cây hàng năm cho hộ gia đình: 775.000 đồng.
- Bồi thường hoa màu cây hàng năm trên đất cho hộ gia đình: 21.757.000 đồng.
- Bồi thường đầu tư còn lại trên đất bằng 50% giá trị đất: 82.025.000 đồng.

2. Các khoản hỗ trợ: 166.530.000 đồng

- Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất cho hộ gia đình: 155.000 đồng.
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình: 2.325.000 đồng.
- Hỗ trợ đất UBND xã quản lý: 164.050.000 đồng.

3. Chi phí GPMB và Chi phí trích đo địa chính khu đất theo hợp đồng:

- Chi phí GPMB 2% chi trả cho Trung tâm phát triển Quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện - Đơn vị được giao lập hồ sơ GPMB: 5.422.000 đồng.
- Chi phí trích lục bản đồ địa chính chi trả cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Tân Yên: 2.954.000 đồng

4. Nguồn kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB và chi phí tổ chức GPMB: 279.463.000 đồng do UBND xã Liên Sơn thực hiện..

(Có biểu thống kê chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện cụ thể như sau:

1. Chủ tịch UBND xã Liên Sơn có trách nhiệm giao Quyết định này cho ông (bà) có tên tại Điều 1 nêu trên; trường hợp ông (bà) nêu trên vắng mặt hoặc không nhận quyết định này thì phải lập biên bản; niêm yết quyết định này tại Trụ sở UBND xã và Nhà văn hóa thôn Chài, Liên Sơn nơi có đất thu hồi.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư dự án và các cơ quan có liên quan chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án được phê duyệt trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Đài truyền thanh huyện đăng tải quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của UBND huyện.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Các cơ quan: Văn phòng HĐND&UBND huyện, Phòng TN&MT, Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ huyện, UBND xã Liên Sơn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bản điện tử:**
- TT HĐND, các Ban HĐND huyện;
- TT UBND huyện;
- Lưu: VT, TNMT_h

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Lượng

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỔ TRỢ KHU VỰC CHỢ MỚI, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN

TRƯỜNG THPT LIÊN SƠN, HUYỆN TÂN YÊN

(Kèm theo Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND, ngày 08 tháng 11 năm 2018 của UBND huyện)

ĐVT: 1000 đồng

STT	Chủ sử dụng	Thông tin thửa đất theo TB			Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)			Bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân						BT, HT đất UBND xã quản lý	Tổng kinh phí BT HT
		Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m ²)		Tổng DT thu hồi (m ²)	Đất của hộ (m ²)	Đất UB	Bồi thường về đất 50.000đ/m ²	Bồi thường hoa màu trên đất 6.600đ/m ²	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất 10.000đ/m ²	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 150.000đ/m ²	Hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất= 50% giá đất nông nghiệp	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8*50.000	11=7*6600	12=8*10.000	13=8*150.000	14	15	16	17
		16	92	366,6	BHK	366,6	0	366,6	-	2.420	-	-	9.165	11.585	18.330	29.915
		16	123	41,3	BHK	41,3	0	41,3	-	273	-	-	1.033	1.305	2.065	3.370
		16	124	95	BHK	95	0	95	-	627	-	-	2.375	3.002	4.750	7.752
		16	93	201,9	BHK	201,9	0	201,9	-	1.333	-	-	5.048	6.380	10.095	16.475
1	Trần Thị Ánh Sao	16	151	100,9	BHK	100,9	0	100,9	-	666	-	-	2.523	3.188	5.045	8.233
		16	106	153,3	BHK	153,3	0	153,3	-	1.012	-	-	3.833	4.844	7.665	12.509
		16	102	67	BHK	67	0	67	-	442	-	-	1.675	2.117	3.350	5.467
		16	103	235,1	BHK	235,1	0	235,1	-	1.552	-	-	5.878	7.429	11.755	19.184
		16	125	102,1	BHK	102,1	0	102,1	-	674	-	-	2.553	3.226	5.105	8.331

2	Nguyễn Thị Lập	16	126	134,7	BHK	134,7	0	134,7	-	889	-	-	3.368	4.257	6.735	10.992
		16	104	385,1	BHK	385,1	0	385,1	-	2.542	-	-	9.628	12.169	19.255	31.424
3	Trần Xuân Dân	16	127	276,1	BHK	276,1	0	276,1	-	1.822	-	-	6.903	8.725	13.805	22.530
		16	109	264,7	BHK	264,7	0	264,7	-	1.747	-	-	6.618	8.365	13.235	21.600
4	Lương Văn Thập	16	128	244,3	BHK	244,3	0	244,3	-	1.612	-	-	6.108	7.720	12.215	19.935
		16	105	100,5	BHK	100,5	0	100,5	-	663	-	-	2.513	3.176	5.025	8.201
5	Trần Xuân Dậu	16	107	286	BHK	286	0	286	-	1.888	-	-	7.150	9.038	14.300	23.338
6	Nguyễn Quang Chiết	16	112	458,9	BHK	15,5	15,5	0	775	102	155	2.325	-	3.357	-	3.357
7	Nguyễn Thị Nga	16	96	226,4	BHK	226,4	0	226,4	-	1.494	-	-	5.660	7.154	11.320	18.474
	Tổng					3.296,5	15,5	3.281,0	775,0	21.756,9	155,0	2.325,0	82.025,0	107.036,9	164.050,0	271.086,9